

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

HUỲNH VĂN PHÚ

NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ
THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2004

Chuyên ngành: Luật dân sự
Mã số: 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2013

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS Nguyễn Công Bình

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi: ... giờ ..., ngày ... tháng ... năm 201..

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Trang bìa phụ	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt	
Danh mục bảng	
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài	4
5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu đề tài	5
6. Tính mới, những đóng góp của đề tài và ý nghĩa của kết quả nghiên cứu đề tài	5
7. Kết cấu của luận văn	6
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ	7
1.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ	7
1.1.1. Khái niệm nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự	7
1.1.2. Ý nghĩa của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự	9
1.2. CƠ SỞ CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ	11
1.2.1. Cơ sở lý luận của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự	11
1.2.2. Cơ sở thực tiễn của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự.....	14

1.3.	VỊ TRÍ VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ	17
1.3.1.	Vị trí của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong hệ thống nguyên tắc của luật tố tụng dân sự	17
1.3.2.	Các mối quan hệ của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự với các nguyên tắc khác của luật tố tụng dân sự	18
1.4.	SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY	25
1.4.1.	Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989	25
1.4.2.	Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2004	27
1.4.3.	Giai đoạn từ năm 2005 đến nay	29
	Kết luận chương 1	30
	Chương 2: NỘI DUNG CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ 2004 VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN	32
2.1.	BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ BẢO VỆ TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ	32
2.1.1.	Bảo đảm quyền đưa ra yêu cầu, thay đổi, bổ sung và rút yêu cầu và quyền chấp nhận, bác bỏ yêu cầu của người khác của đương sự trong tố tụng dân sự	32
2.1.2.	Bảo đảm quyền cung cấp chứng cứ và chứng minh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và quyền yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ và yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ của đương sự	38
2.1.3.	Bảo đảm quyền tham gia hòa giải và quyền tự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ việc dân sự của đương sự.....	42

2.1.4.	Bảo đảm quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quyền nhận thông báo hợp lệ để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đương sự	43
2.1.5.	Bảo đảm quyền tham gia phiên tòa, phiên họp của đương sự.....	46
2.1.6.	Bảo đảm quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án và khiếu nại các hành vi tố tụng trái pháp luật trong tố tụng dân sự.....	48
2.2.	BẢO ĐẢM QUYỀN ỦY QUYỀN CHO LUẬT SƯ HAY NGƯỜI KHÁC BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA ĐƯƠNG SỰ.....	50
2.2.1.	Bảo đảm quyền ủy quyền cho luật sư hay người khác tham gia tố tụng của đương sự	50
2.2.2.	Bảo đảm quyền nhờ luật sư hay người khác tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự.....	59
2.3.	TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ CỦA TÒA ÁN.....	64
2.3.1.	Trách nhiệm của Tòa án trong việc áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để tạo điều kiện cho các đương sự thực hiện được các quyền tố tụng.....	64
2.3.2.	Tòa án phải thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.....	65
2.3.3.	Tòa án phải chịu trách nhiệm về hành vi xâm phạm đến các quyền tố tụng dân sự của đương sự69	
	Kết luận chương 2	71
	Chương 3: NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐIỀU CHỈNH NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ.....	72

3.1.	YÊU CẦU NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐIỀU CHỈNH CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ	72
3.1.1.	Yêu cầu bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp.....	72
3.1.2.	Yêu cầu cải cách hành chính tư pháp hiện nay	73
3.1.3.	Yêu cầu hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự.....	74
3.1.4.	Yêu cầu của việc giải quyết các vụ việc dân sự trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội hiện nay.....	75
3.2.	MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ	76
3.2.1.	Hoàn thiện hệ thống nguyên tắc của luật tố tụng dân sự	76
3.2.2.	Hoàn thiện các quy định liên quan đến việc thực hiện quyền tự bảo vệ của đương sự trong tố tụng dân sự.....	80
3.2.3.	Hoàn thiện các quy định về việc đương sự uỷ quyền hoặc nhờ luật sư hay người khác bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự	90
3.2.4.	Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm của Toà án trong việc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự.....	93
	Kết luận chương 3	94
	KẾT LUẬN	95
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	97
	PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật TTDS được quy định tại Điều 9 BLTTDS thể hiện trách nhiệm của cơ quan tiến hành TTDS đối với việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại tỉnh Quảng Nam, với các đặc thù về điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế xã hội, trình độ dân trí và trình độ hiểu biết pháp luật của người dân còn hạn chế thì việc thực hiện đúng các nguyên tắc của luật TTDS nói chung và nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự nói riêng càng có ý nghĩa to lớn trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong TTDS. Chính vì vậy, tác giả chọn đề tài: ***“Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004”*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu về nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự từ trước đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu đã được công bố. Có công trình đã giải quyết được những vấn đề lý luận về nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự nhưng những công trình này ở tầm vĩ mô, không đi sát vào thực tiễn tại địa bàn tỉnh Quảng Nam. Còn các bài báo, tạp chí chuyên ngành về nguyên tắc trong TTDS thì còn chung chung, tản mạn và mang quan điểm cá nhân. Mặt khác, các công trình nghiên cứu này đều được thực hiện trước khi BLTTDS có hiệu lực pháp luật là chủ yếu hoặc được thực hiện sau khi BLTTDS được ban hành

nhưng trước khi LSĐBSBLTTDS được ban hành nên nhiều vấn đề không còn phù hợp với điều kiện hiện tại. Đặc biệt, tại tỉnh Quảng Nam thì chưa có đề tài nào ở cấp độ luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nghiên cứu về nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là làm rõ thêm các vấn đề lý luận về nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong TTDS, nội dung các quy định của pháp luật TTDS hiện hành về nguyên tắc, những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện nguyên tắc, đặc biệt là việc thực hiện chúng tại tỉnh Quảng Nam và qua đó tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự.

3.2. Nhiệm vụ

Trên cơ sở mục đích đã xác định, Luận văn có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận về nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong pháp luật TTDS;
- Phân tích và làm rõ các nội dung cơ bản của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong pháp luật TTDS Việt Nam hiện hành;
- Khảo sát thực tiễn thực hiện nguyên tắc này tại các TAND nói chung, TAND trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nói riêng, qua đó phát hiện được những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện nguyên tắc, tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

4.1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu đề tài là những vấn đề lý luận chung về nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong TTDS, các quy định hiện hành của pháp luật TTDS về nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự và thực tiễn thực hiện nguyên tắc này trong việc giải quyết các vụ việc dân sự.

4.1. Phạm vi

Đề tài nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự là đề tài có phạm vi nghiên cứu rộng. Trong giới hạn nghiên cứu của đề tài làm luận văn thạc sĩ luật học, việc nghiên cứu chỉ tập trung vào những vấn đề lý luận cơ bản của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự như khái niệm, ý nghĩa của nguyên tắc, cơ sở của việc quy định nguyên tắc, mối liên hệ của nguyên tắc này với các nguyên tắc khác trong luật TTDS Việt Nam và các nội dung cơ bản của nguyên tắc, thực tiễn thực hiện nguyên tắc tại một số TAND ở Việt Nam và thực tiễn thi hành chúng tại các TAND trong tỉnh Quảng Nam trong 05 năm trở lại đây.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu đề tài

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước, cải cách hành chính

xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài việc nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận nêu trên, việc nghiên cứu đề tài còn được thực hiện bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học như phân tích, so sánh, tổng hợp, nghiên cứu lịch sử...

6. Tính mới, những đóng góp của đề tài và ý nghĩa của kết quả nghiên cứu đề tài

Luận văn có những điểm mới và những đóng góp sau:

- Hoàn thiện khái niệm, xác định rõ ý nghĩa, mối liên hệ của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự với các nguyên tắc khác trong pháp luật TTDS;

- Phân tích làm rõ nội dung cụ thể của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự theo quy định của pháp luật TTDS Việt Nam hiện hành;

- Đánh giá đúng thực trạng thực hiện nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong thực tiễn xét xử tại các TAND Việt Nam và tại các TAND trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Đưa ra được một số kiến nghị cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong bối cảnh cải cách tư pháp hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn được kết cấu thành 3 phần: Mở đầu, phần nội dung và kết luận. Phần nội dung của luận văn được chia làm 3 chương.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ

1.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ

1.1.1. Khái niệm nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự

Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự là một nguyên tắc cơ bản của Luật TTDS Việt Nam, thể hiện tư tưởng pháp lý chỉ đạo là trong TTDS Tòa án phải làm cho đương sự có đủ những điều kiện cần thiết để đương sự chắc chắn thực hiện được các quyền TTDS bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trước Tòa án.

1.1.2. Ý nghĩa của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự

Thứ nhất, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Thứ hai, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, nâng cao trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự.

1.2. CƠ SỞ CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ

1.2.1. Cơ sở lý luận của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự

Thứ nhất, xuất phát từ cơ sở Hiến định về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án.

Thứ hai, xuất phát từ mối quan hệ giữa việc công nhận các quyền tố tụng dân sự và thực thi các quyền tố tụng dân sự của đương sự.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu bảo đảm tranh tụng trong tố tụng dân sự.

1.2.2. Cơ sở thực tiễn của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự

Thứ nhất, xuất phát từ thực tế tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Thứ hai, xuất phát từ thực tế hoạt động xét xử của Tòa án.

1.3. VỊ TRÍ VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ

1.3.1. Vị trí của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong hệ thống nguyên tắc của luật tố tụng dân sự

Trong hệ thống các nguyên tắc của luật TTDS thì nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự được quy định tại Điều 9, thuộc nhóm các nguyên tắc thể hiện trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự có vị trí trung tâm trong nhóm nguyên tắc này và có mối quan hệ mật thiết với tất cả các nguyên tắc cơ bản của luật TTDS. Để thực hiện tốt nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự thì không thể thiếu các nguyên tắc khác và ngược lại.

1.3.2. Các mối quan hệ của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự với các nguyên tắc khác của luật tố tụng dân sự

1.3.2.1. Mối quan hệ của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự với nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng dân sự

1.3.2.2. Mỗi quan hệ của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự với nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự

1.3.2.3. Mỗi quan hệ của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự với nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự

1.3.2.4. Mỗi quan hệ của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự với nguyên tắc hoà giải trong tố tụng dân sự

1.3.2.5. Mỗi quan hệ của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự với nguyên tắc bảo đảm quyền tranh luận tố tụng dân sự

1.3.2.6. Mỗi quan hệ của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự với nguyên tắc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự

1.3.2.7. Mỗi quan hệ của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự với nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành hoặc tham gia tố tụng dân sự

1.4. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1.4.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989

Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong các văn bản gia đoạn này cũng đã manh nha thể hiện và chủ yếu là thể hiện quyền tự bảo vệ và thể hiện trách nhiệm của Tòa án.

1.4.2. Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2004

Trong quy định tại các văn bản về tố tụng trong giai đoạn này, tuy đã chặt chẽ hơn trước nhưng vẫn chưa có quy định nào về nguyên tắc trong TTDS nói chung và nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự nói riêng.

1.4.3. Giai đoạn từ năm 2005 đến nay

Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành BLTTDS. Trong đó, tại Điều 9 quy định về nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2011 không trực tiếp sửa đổi nội dung quy định của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự. Tuy vậy, việc sửa đổi, bổ sung các quy định khác của BLTTDS của đạo luật này đã góp phần thực hiện nguyên tắc đảm bảo quyền bảo vệ của đương sự trong TTDS.

Kết luận chương 1

Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự là một nguyên tắc cơ bản của Luật TTDS Việt Nam. Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự có mối liên hệ biện chứng với các nguyên tắc khác trong BLTTDS. Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong TTDS được hình thành từ rất sớm và dần được hoàn thiện qua giai đoạn lịch sử.

Chương 2

NỘI DUNG CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ 2004 VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN

2.1. BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ BẢO VỆ TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ

2.1.1. Bảo đảm quyền đưa ra yêu cầu, thay đổi, bổ sung và rút yêu cầu và quyền chấp nhận, bác bỏ yêu cầu của người khác của đương sự trong tố tụng dân sự

2.1.1.1. Bảo đảm quyền đưa ra yêu cầu, thay đổi, bổ sung và rút yêu cầu của đương sự trong tố tụng dân sự

Một là, bảo đảm quyền yêu cầu khởi kiện vụ án dân sự và yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự của đương sự.

Hai là, bảo đảm quyền đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn, quyền đưa ra yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

2.1.1.2. Bảo đảm quyền thay đổi, bổ sung và rút yêu cầu của đương sự trong tố tụng dân sự

2.1.1.3. Bảo đảm quyền chấp nhận bác bỏ yêu cầu của người khác của đương sự

2.1.2. Bảo đảm quyền cung cấp chứng cứ và chứng minh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và quyền yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ và yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ của đương sự

2.1.2.1. Bảo đảm quyền cung cấp chứng cứ và chứng minh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

2.1.2.2. Bảo đảm quyền của đương sự yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ và yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ

2.1.3. Bảo đảm quyền tham gia hòa giải và quyền tự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ việc dân sự của đương sự

2.1.4. Bảo đảm quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quyền nhận thông báo hợp lệ để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đương sự

2.1.4.1. Bảo đảm quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của đương sự

2.1.4.2. Bảo đảm quyền thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng của đương sự

2.1.5. Bảo đảm quyền tham gia phiên tòa, phiên họp của đương sự

2.1.6. Bảo đảm quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án và khiếu nại các hành vi tố tụng trái pháp luật trong tố tụng dân sự

2.1.6.1. Bảo đảm quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án

Thực tiễn, các vụ án dân sự được tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và giải quyết với số lượng lớn đảm bảo được các quyền này được thực thi. Chứng tỏ quyền kháng cáo của đương sự ngày càng được bảo đảm trên thực tế. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì có một số trường hợp quyền kháng cáo của đương sự cũng bị xâm phạm do ý chí chủ quan của một số TAND.

2.1.6.2. Bảo đảm quyền khiếu nại của đương sự đối với các quyết định hành vi tố tụng trái pháp luật

2.2. BẢO ĐẢM QUYỀN ỦY QUYỀN CHO LUẬT SƯ HAY NGƯỜI KHÁC BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA ĐƯƠNG SỰ

2.2.1. Bảo đảm quyền ủy quyền cho luật sư hay người khác tham gia tố tụng của đương sự

Thứ nhất, xác định tính hợp pháp về hình thức của đơn khởi kiện do người đại diện theo ủy quyền đứng đơn khởi kiện

Thứ hai, về hình thức văn bản ủy quyền và việc xác định loại ủy quyền.

Thứ ba, việc chấm dứt đại diện theo ủy quyền trong TTDS.

2.2.2. Bảo đảm quyền nhờ luật sư hay người khác tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự muốn tham gia tố tụng phải được “*Toà án chấp nhận*”. Quy định này đã làm phức tạp thêm thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự và tạo điều kiện nảy sinh “*cơ chế xin cho*” trong tố tụng, đã gây khó khăn thêm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong việc tham gia tố tụng.

Khoản 2, Điều 63 BLTTDS quy định về những “người” được Toà án chấp nhận làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Theo quy định liệt kê này đã bộc lộ những hạn chế nhất định:

Thứ nhất, công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nhưng đang bị khởi tố thì có được làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hay không?

Thứ hai, việc liệt kê các đối tượng là cán bộ, công chức Tòa án, Kiểm sát, công an không được làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là chưa thật sự phù hợp.

2.3. TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ CỦA TÒA ÁN

2.3.1. Trách nhiệm của Tòa án trong việc áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để tạo điều kiện cho các đương sự thực hiện được các quyền tố tụng

Pháp luật TTDS quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án, của từng chủ thể để thực thi nhiệm vụ giải quyết vụ việc dân sự và thông qua đó bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Tòa án còn phải bảo đảm cho đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ TTDS của đương sự.

2.3.2. Tòa án phải thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Một là, Tòa án phải bảo đảm sự vô tư, khách quan trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Hai là, Tòa án có trách nhiệm trong việc chuyển giao tài liệu, giấy tờ cho người tham gia tố tụng.

Ba là, Tòa án chỉ định là người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích cho đương sự.

Thực tiễn, đa số TAND các cấp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, đã thụ lý và giải quyết ngày một nhiều các vụ việc dân sự bảo vệ được quyền và lợi ích của đương sự. Bên cạnh những kết quả làm được của TAND các cấp thì việc vi phạm tố tụng dẫn đến phải hủy án, sửa án còn chiếm tỷ lệ lớn.

2.3.3. Tòa án phải chịu trách nhiệm về hành vi xâm phạm đến các quyền tố tụng dân sự của đương sự

Kết luận chương 2

Chương 3

NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐIỀU CHỈNH NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ

3.1. YÊU CẦU NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐIỀU CHỈNH CỦA NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ

3.1.1. Yêu cầu bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp

3.1.2. Yêu cầu cải cách hành chính tư pháp hiện nay

3.1.3. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự

3.1.4. Yêu cầu của việc giải quyết các vụ việc dân sự trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội hiện nay

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ CỦA ĐƯƠNG SỰ

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống nguyên tắc của luật tố tụng dân sự

Về xác định phạm vi các nguyên tắc cần phải ghi thêm nguyên tắc xác định sự thật khách quan, nguyên tắc Tòa án xét xử kịp thời, nguyên tắc Tòa án xét xử kịp thời và nguyên tắc tranh tụng vào BLTTDS.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định liên quan đến việc thực hiện quyền tự bảo vệ của đương sự trong tố tụng dân sự

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung các quy định về khái niệm đương

sự, quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Cần sửa đổi, bổ sung Điều 56 BLTTDS theo hướng đương sự trong vụ việc dân sự bao gồm: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự và người yêu cầu, người bị yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc dân sự. Trên cơ sở đó quy định người yêu cầu, người bị yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc dân sự có quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung các quy định về năng lực hành vi tố tụng dân sự của đương sự.

Cần sửa đổi quy định sửa đổi, bổ sung quy định về năng lực hành vi tố tụng của đương sự tại Điều 57 BLTTDS theo hướng đương sự có năng lực hành vi tố tụng phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên, không bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Đối với những đương sự là người chưa thành niên từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi Toà án có thể triệu tập đến tham gia tố tụng nhưng bắt buộc phải có người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia tố tụng.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung một số quy định về quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự của đương sự.

Cần bổ sung vào khoản 1 Điều 171 và khoản 2 Điều 174 BLTTDS về trong nội dung thông báo việc thụ lý vụ án của Toà án cho các đương sự có thông báo về quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Thứ tư, cần hướng dẫn cụ thể về việc xử phạt những người có hành vi cản trở hoạt động TTDS.

Theo Điều 390 BLTTDS Ủy ban thường vụ Quốc hội cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành BLTTDS về thủ tục, thẩm quyền xử phạt và mức phạt đối với các hành vi cản trở TTDS, bao gồm cả hành vi cản trở hoạt động tố tụng của đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

Thứ năm, sửa đổi các quy định BLTTDS về cơ chế giám sát, kiểm sát các hoạt động TTDS.

Cần phải sửa đổi quy định tại Điều 313 BLTTDS theo hướng Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia phiên họp giải quyết một số việc dân sự như yêu cầu xác định một người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, yêu cầu xác định một người mất tích hoặc chết.

Thứ sáu, sửa đổi, bổ sung quy định về định giá tài sản trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự.

Cần bổ sung vào khoản 1 Điều 92 BLTTDS quy định Tòa án có quyền quyết định định giá tài sản trong trường hợp cần thiết.

Thứ bảy, sửa đổi quy định về thực hiện biện pháp bảo đảm khi yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Cần sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 120 BLTTDS theo hướng người yêu cầu Tòa án áp dụng một trong các biện pháp khẩn cấp tạm thời phải gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá do Tòa án ấn định theo dự kiến thiệt hại có thể xảy ra để bảo vệ lợi ích của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và ngăn

ngừa sự việc lạm dụng trong thực hiện quyền yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Thứ tám, sửa đổi, bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án dân sự và trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự.

Cần sửa đổi các quy định của BLTTDS theo hướng quy định một thủ tục chung cho việc giải quyết các vụ việc dân sự. Tuy vậy, bên cạnh đó cần quy định thủ tục đơn giản (hay thủ tục rút gọn) để giải quyết những vụ việc đơn giản, rõ ràng, việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật không mấy phức tạp để giải quyết nhanh các vụ việc dân sự, bảo đảm việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

3.2.3. Hoàn thiện các quy định về việc đương sự uỷ quyền hoặc nhờ luật sư hay người khác bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự

Thứ nhất, xác định tính hợp pháp về hình thức của đơn khởi kiện do người đại diện theo ủy quyền đứng đơn khởi kiện.

Để thống nhất trong việc áp dụng luật, TAND tối cao cần sớm có hướng dẫn cụ thể về Điều 164 BLTTDS, trong đó, có việc xác định tính hợp pháp về hình thức của đơn kiện trong hai trường hợp:

Một là: Người khởi kiện là cá nhân phải điền chỉ vào đơn; nếu cơ quan, tổ chức khởi kiện thì đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu vào phần cuối đơn (theo điểm 1 khoản 2 Điều 164 BLTTDS).

Hai là: Người đại diện ủy quyền của cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện phải ký tên vào phần cuối đơn. Kèm theo đơn khởi kiện,

người đại diện ủy quyền phải xuất trình được hợp đồng ủy quyền hợp pháp với phạm vi ủy quyền được xác định rõ bao gồm cả ủy quyền đứng đơn khởi kiện.

Thứ hai, về hình thức văn bản ủy quyền và việc xác định loại ủy quyền trong TTDS.

TAND tối cao nên sớm có văn bản hướng dẫn giải thích về hình thức ủy quyền tố tụng, cụ thể là đối với chủ thể ủy quyền của loại hình ủy quyền mang tính chuyên biệt; hình thức văn bản ủy quyền tham gia tố tụng có phải qua công chứng, chứng thực hay không? Có phải lập hợp đồng ủy quyền hay chỉ là giấy ủy quyền, hoặc giấy giới thiệu (đối với cơ quan, tổ chức)?

Thứ ba, TAND tối cao cần hướng dẫn việc “Đơn phương đình chỉ hợp đồng ủy quyền trong TTDS”.

Chúng tôi cho rằng đã nói “đơn phương đình chỉ hợp đồng” là thể hiện ý chí của một bên trong việc chấm dứt hợp đồng. Vì vậy, chỉ cần sự thể hiện bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng ủy quyền là được Toà án chấp nhận.

Thứ tư, sửa đổi, bổ sung quy định về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Cần sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 63 BLTTDS theo hướng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là người được đương sự nhờ tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

Thứ năm, sửa điểm c, khoản 2, Điều 63, BLTTDS về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo hướng cụ thể hơn.

Thứ sáu, bổ sung thêm một số quyền cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và sửa Điều 184 để phù hợp với Điều 64 BLTTDS

Bổ sung một số quyền và nghĩa vụ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chưa được ghi nhận như: Quyền đề nghị Tòa án xác minh thu thập chứng cứ; triệu tập người làm chứng; trung cầu giám định, định giá.

Khoản 1, Điều 64 quy định: người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được tham gia tố tụng từ khi khởi kiện hoặc bắt cứ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng.

3.2.4. Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự

Thứ nhất, cần có các quy định hướng dẫn về trách nhiệm bồi thường của người tiến hành tố tụng.

Cần phải có hướng dẫn cụ thể để áp dụng thống nhất. Ngoài ra, để bảo đảm cho những người tiến hành tố tụng có thể hoàn trả được số tiền mà Tòa án đã bỏ ra bồi thường cho người bị hại do hành vi trái pháp luật của họ gây ra thì cần phải quy định những người tiến hành tố tụng bắt buộc phải mua bảo hiểm nghề nghiệp.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung Điều 76, BLTTDS nhằm bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự.

“ Điều 76. Chỉ định người đại diện trong tố tụng dân sự

Trong khi tiến hành tố tụng dân sự, nếu có đương sự là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự mà không có người đại diện hoặc người đại diện theo pháp luật của

họ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 75 của Bộ luật này thì Tòa án phải chỉ định người đại diện để tham gia tố tụng tại Tòa án.”

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Nguyên tắc Bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự là một nguyên tắc cơ bản của Luật TTDS Việt Nam. Nguyên tắc này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự trong TTDS. Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự có mối quan hệ biện chứng với các nguyên tắc khác trong BLTTDS.

Nội dung của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự theo quy định của BLTTDS bao gồm: Bảo đảm quyền tự bảo vệ của đương sự; Bảo đảm quyền ủy quyền hoặc nhờ luật sư hay người khác bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự và trách nhiệm bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự của Tòa án. Qua thực tiễn giải quyết các vụ việc dân sự thấy rằng, có một số quy định của BLTTDS bộc lộ những điểm bất cập cần được sửa đổi, bổ sung; một số quy định còn chồng chéo mâu thuẫn và một số quy định không mang tính khả thi làm ảnh hưởng đến quyền bảo vệ của đương sự. Tỷ lệ án đã tuyên bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Tòa án còn nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong TTDS.

Nâng cao hiệu quả điều chỉnh của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự là yêu cầu tất yếu. Việc nâng cao hiệu quả điều chỉnh của nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương

sự phải đáp ứng các yêu cầu của nó. Để nâng cao hiệu quả điều chỉnh của nguyên tắc cần phải thực hiện đồng bộ các biện pháp như: Hoàn thiện hệ thống nguyên tắc của luật TTDS; Hoàn thiện các quy định của BLTTDS.